TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 469/2026/HC-PT
Ngày: 24 - 4 - 2026
Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Công T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2026/TLPT-HC ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1500/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Từ Hớn G, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số D, đường T, khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Ngọc O, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số E H, phường N, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2025 tại văn phòng C).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường

N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Dương Hải T2 – Phó Trưởng phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị phường N, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Hoài Â – Phó Giám đốc Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực VII, thành phố C – Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khi thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã N thuộc Công an tỉnh H, Ủy ban nhân dân thành phố N bồi thường không đúng giá đất, không đúng vị trí và thiếu diện tích đất bị thu hồi; thiếu phần tiền đầu tư trên đất **(**cát san lấp) cho ông G. Cụ thể:

Về đất ở đô thị (ODT), ông G có 200m^2 tại vị trí 1, theo qui định thì giá bồi thường là 6.000.000đ/m^2, tương đương số tiền là 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) nhưng Ủy ban nhân dân thành phố N chỉ bồi thường cho ông G 1m^2 đất (ODT) ở vị trí 1 và 199m^2 ở vị trí 2.

Về loại đất trồng cây hàng năm ông G có vị trí 1, diện tích 810,40m^2 giá 1.674.000đ/m^2 =1.356.609.600đ; vị trí 2 diện tích 43,50m^2 x 1.004.400đ/m^2 = 43.691.400đ. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố N chỉ bồi thường cho ông G 650,3m^2 đất ở vị trí 1, 142,9m^2 ở vị trí 2 và 43,5m^2 ở vị trí 2 là không đúng với tinh thần Bản án hành chính phúc thẩm số 372/2023/HC-PT ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh.

Vì vậy, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy bỏ Quyết định số: 1549/QĐ-UBND ngày 26/07/2024 của UBND thành phố N, tỉnh Hậu Giang "V/v điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại quyết định số: 2532/QĐ-UBND, ngày 30/11/2020 của UBND thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Trụ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H" (viết tắt là Quyết định số: 1549/QĐ-UBND).

Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố N phê duyệt bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông:

- Loại đất ở tại đô thị (ODT) diện tích 200m^2 vị trí 1, mức giá: 6.000.000đ/m^2 = 1.200.000.000đ (Một tỷ, hai trăm triệu đồng).

- Loại đất trồng cây hàng năm ở vị trí 1, diện tích: 810,40m^2 , mức giá 1.674.000đ/m^2 = 1.356.609.600đ; vị trí 2, diện tích: 43,50m^2 mức giá 1.004.400 đ/m^2 = 43.691.400đ.

- Yêu cầu bồi thường Chi phí san lấp mặt bằng, số tiền cát san lấp là: 633.000.000đ.

- Yêu cầu được mua nền tái định cư để ổn định cuộc sống theo quy định của pháp luật thu hồi đất.

- Yêu cầu bồi thường hỗ trợ nhà, công trình theo tỷ lệ 70%.

- Tính lãi suất theo quy định do chậm thực hiện việc bồi thường với thời gian tương ứng.

Tại văn bản số 751 ngày 28/5/2025, đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện trình bày:

Ngày 04/6/2020, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành thông báo thu hồi thửa đất 228 (1198), 287 (1285) và thửa 113 (1199) của ông Từ Hớn G đất để đầu tư xây dựng dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N.

Ngày 30/11/2020, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định thu hồi đất số 2528 đối với các thửa đất nêu trên của ông G, cụ thể: thửa 228 (1198) diện tích 43,5m^2 đất trồng cây hàng năm (BHK), thửa 287 (1285) diện tích 200m^2 loại đất ở đô thị (ODT); thửa 113 (1199) diện tích 973,2m^2 loại đất trồng cây hàng năm (BHK).

Trong đó đối với diện tích 200m^2 (ODT) theo bảng thống kê diện tích đất tính theo vị trí thâm hậu ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Công ty TNHH Đ có phần diện tích đất 01m^2 thuộc vị trí 1 đường 3 Tháng 2 từ đường H (phường N) đến đường H (phường H) được bồi thường 01m^2 x 6.000.000đồng/m^2 = 6.000.000đồng. Còn phần đất diện tích 199m^2 của ông G là đất ở nằm tại vị trí 2 x 3.600.000đồng/m^2 = 716.400.000đồng là đúng theo quy định tại Điều 1, Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H.

Ngày 30/11/2020, UBND thành phố N ban hành Quyết định số: 2532/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông G là đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai. Trong đó ông Từ Hớn G được phê duyệt tổng số tiền là 3.219.423.426đồng, bao gồm: Về đất: 1.980.058.560đồng; về nhà, công trình: 1.225.224.866đồng; về cây trồng, vật nuôi: 7.140.000đồng; các chính sách hỗ trợ khác: 7.000.000đồng.

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh thành phố N phổ biến và gửi Quyết định số: 2532/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ và thông báo cho ông Từ Hớn G nhận tiền. Tuy nhiên, ông Từ Hớn G không thống nhất nhận tiền và đề nghị bồi thường đất theo giá thị trường.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021, UBND thành phố N ban hành Quyết định số: 562/QĐ-UBND V/v phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H, trong đó ông Từ Hớn G được phê duyệt tổng số tiền là 3.204.518.836đồng, bao gồm: Về đất: 1.980.058.560đồng; về nhà, công trình: 1,206.720.276đồng; về cây trồng, vật nuôi: 7.140.000đồng; các chính sách hỗ trợ khác: 7.000.000đồng.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, UBND thành phố mời sở, ngành tỉnh và phòng, ban chuyên môn họp giải quyết một số vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố N và thống nhất kết luận điều chỉnh phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Từ Hớn G với lý do có biên bản ngăn chặn trong việc xây dựng sai phép được UBND phường ngã Bảy lập ngày 12/4/2019.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1246/QĐ-UBND V/v phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó ông Từ Hớn G được phê duyệt tổng số tiền là 2.376.303.835đồng (giảm 828.215.001đồng so với phê duyệt tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021), bao gồm: về đất: 1.983.658.560đồng; về nhà, công trình : 378.505.275đồng; về cây trồng, vật nuôi: 7.140.000đồng; các chính sách hỗ trợ khác: 7.000.000đồng.

Thực hiện Bản án số 372/2023/HC-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh về việc " *Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" và Công văn số 3477/VP.UBND-TCD ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Văn phòng HĐND-UBND tỉnh H về việc truyền đạt ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh H đối với trường hợp ông Từ Hớn G.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1549/QĐ-UBND V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định 2532/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố N, trong đó ông Từ Hớn G được phê duyệt tổng số tiền là 3.219.082.636đồng, bao gồm: Về đất: 1.998.222.360đồng; về nhà, công trình: 1.206.720.276đồng; về cây trồng, vật nuôi: 7.140.000đồng; các chính sách hỗ trợ khác: 7.000.000đồng.

Qua rà soát, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Từ Hớn G được thực hiện đầy đủ, đúng chủ trương, chính sách và đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh H ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh H về việc Ban hành quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản để định giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh H ban hành Quy định về Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 01/2020/QĐ-UBNDngày 12 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh H về việc quy định đơn giá nhà, công trình xây dựng để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Công văn số 1798/UBND-NC ngày 24 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh H v/v hỗ trợ phần san lấp cát cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã N và tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, do vậy việc yêu cầu của ông Từ Hớn G theo các nội dung nêu trên là không có cơ sở giải quyết.

Tuy nhiên, đối với nội dung này UBND thành phố cũng đã có báo cáo UBND tỉnh và Sở T3 đã tham mưu UBND tỉnh xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm tại Báo cáo số 301/BC-STNMT ngày 13/6/2024.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

"...1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hớn G về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định 1549/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại quyết định số 2532/QĐ-UBND, ngày 30/11/2020 của UBND thành phố N v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H đối với phần yêu cầu nâng toàn bộ diện tích 200m^2 loại đất (ODT) thửa 287 (1285) lên vị trí 01 và yêu cầu nâng diện tích 810,4m^2 thửa 113 (1199) lên vị trí 01.

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hớn G về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại quyết định số 2532/QĐ-UBND, ngày 30/11/2020 của UBND thành phố N v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H đối với phần yêu cầu nâng giá trị bồi thường nhà lên 70% và đối với yêu cầu được mua nền tái định cư.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tiền san lấp cát do sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi phát sinh chậm thực hiện bồi thường do người khởi kiện rút yêu cầu"...

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 18/9/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ nhận được đơn kháng cáo của ông Từ Hớn G, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện ông Từ Hớn G có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung đã xem xét; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông G, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của ông Từ Hớn G được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của ông Từ Hớn G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với phần khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1549/QĐ-UBND liên quan đến việc xác định vị trí đất để bồi thường, cấp sơ thẩm đã căn cứ nội dung Bản án hành chính phúc thẩm số 372/2023/HC-PT ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật, đã xác định việc áp vị trí đất trong các quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố N có nội dung chưa phù hợp, để buộc cơ quan hành chính phải thi hành theo quy định tại Điều 311 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 nhưng *vẫn giữ nguyên cách xác định vị trí đối với 199m^2 đất ở đô thị* tại thửa 287 (1285) và phần diện tích *142,9m^2 đất trồng cây hàng năm* thuộc thửa 113 (1199) như các quyết định đã bị khởi kiện trước đó. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 1549/QĐ-UBND đối với nội dung liên quan đến vị trí đất, (*đối với phần yêu cầu nâng toàn bộ diện tích 200m^2 loại đất (ODT) thửa 287 (1285) lên vị trí 01).*

Nội dung này người khởi kiện, người bị kiện không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông G yêu cầu bồi thường nhà, công trình theo tỷ lệ 70%: tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông G được cấp giấy phép xây dựng ngày 27/3/2019 đối với phần đất ở đô thị diện tích 200m^2; tuy nhiên, quá trình xây dựng, ông G không thực hiện đúng vị trí được cấp phép, đã bị chính quyền địa phương lập biên bản nhắc nhở ngày 12/4/2019. Theo hồ sơ kiểm kê và nội dung Quyết định số 1549/QĐ-UBND, tổng diện tích nhà, công trình của ông G được xác định vượt quá phạm vi đất ở được cấp phép, trong đó có phần lớn công trình được xây dựng trên đất nông nghiệp,không thuộc trường hợp được bồi thường như nhà ở hợp pháp trên đất ở.

Cấp sơ thẩm đối chiếu Điều 14 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh H, cùng với các quy định về đơn giá, kết cấu công trình để xác định ông G không đủ căn cứ được bồi thường, hỗ trợ theo tỷ lệ 70% như yêu cầu là đúng.

[2.3] Đối với yêu cầu được cấp nền tái định cư, cấp sơ thẩm xác định ông G bị thu hồi 200m^2 đất ở nhưng là nhà kho cho người khác thuê, ông G có nhà đất và ở nơi khác trên địa bàn, nên không thuộc trường hợp được bồi thường bằng đất ở hoặc được bố trí, hỗ trợ mua nền tái định cư theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ tiền san lấp mặt bằng, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử vì xác định đây là phần sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật trước đó là có căn cứ. Hồ sơ thể hiện nội dung này đã được xem xét trong Bản án hành chính phúc thẩm số 372/2023/HC-PT ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; trong khi Quyết định số 1549/QĐ-UBND bị kiện trong vụ án này không điều chỉnh, không phát sinh nội dung mới liên quan đến khoản tiền san lấp cát. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này là đúng pháp luật.

[2.5] Đối với phần yêu cầu tính lãi phát sinh do chậm thực hiện bồi thường, tại cấp sơ thẩm ông G đã tự nguyện rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, ông G kháng cáo cho rằng không rút yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm nhưng biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện ông G có mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nói thống nhất rút yêu cầu này do không đưa ra được số tiền yêu cầu cụ thể, ông G không có ý kiến phản đối gì, nội dung này phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm "đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông từ H đã rút về tính lãi suất phát sinh do chậm bồi thường".

Tại cấp phúc thẩm, ông G kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi các nội dung cấp sơ thẩm đã xem xét, nên không có

căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông G, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Từ Hớn G.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hớn G về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định 1549/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại quyết định số 2532/QĐ-UBND, ngày 30/11/2020 của UBND thành phố N v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H đối với phần yêu cầu nâng toàn bộ diện tích 200m^2 loại đất (ODT) thửa 287 (1285) lên vị trí 01 và yêu cầu nâng diện tích 810,4m^2 thửa 113 (1199) lên vị trí 01.

Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Cần Thơ, thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hớn G về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại quyết định số 2532/QĐ-UBND, ngày 30/11/2020 của UBND thành phố N v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã N (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh H đối với phần yêu cầu nâng giá trị bồi thường nhà lên 70% ; yêu cầu được mua nền tái định cư.

2.3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về bồi thường, hỗ trợ tiền san lấp cát do sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi phát sinh chậm thực hiện bồi thường do người khởi kiện rút yêu cầu ở cấp sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: người bị kiện phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Từ Hớn G không phải chịu án phí, được hoàn lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000038 ngày 04/4/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Án phí hành chính phúc thẩm: ông G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003275 ngày 18/9/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (20b-TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh